

Số: /KH-UBND

Hải Phòng, ngày tháng năm 2025

KẾ HOẠCH
Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia phát triển các ứng dụng,
dịch vụ số mới theo hình thức hợp tác công tư (PPP)
trên địa bàn thành phố giai đoạn 2026 - 2030

Thực hiện Kế hoạch số 238/KH-UBND ngày 13/9/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Kế hoạch hành động số 12-KH/TU, ngày 26/8/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp tham gia phát triển các ứng dụng, dịch vụ số mới theo hình thức hợp tác công tư (PPP) trên địa bàn thành phố giai đoạn 2026 - 2030, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Triển khai đầy đủ cơ chế, chính sách hợp tác công tư theo Nghị định số 180/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định về cơ chế, chính sách về hợp tác công tư (gọi tắt là Nghị định 180) để hỗ trợ doanh nghiệp tham gia đầu tư, phát triển ứng dụng, dịch vụ số mới.

Huy động tối đa nguồn lực xã hội kết hợp với vốn nhà nước (có thể tới 70% tổng mức đầu tư) để phát triển hạ tầng số, nền tảng số dùng chung, dữ liệu số, dịch vụ số và đào tạo nhân lực số.

Xây dựng hệ sinh thái ứng dụng, dịch vụ số, thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số, chính quyền số của thành phố.

2. Yêu cầu

Việc triển khai phải bám sát quy định của Nghị định số 180/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định về cơ chế, chính sách về hợp tác công tư để đầu tư, nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, bảo đảm rõ ràng, minh bạch, công khai, thuận lợi cho doanh nghiệp tham gia, tránh hình thức, dàn trải.

Các dự án theo hình thức hợp tác công tư (PPP) phải gắn với nhu cầu thực tiễn của thành phố, giải quyết trực tiếp các bài toán về đô thị thông minh, dịch vụ công trực tuyến, y tế - giáo dục số, logistics số, dữ liệu số, đồng thời bảo đảm hiệu quả khai thác lâu dài.

Huy động tối đa nguồn lực xã hội, nhưng đồng thời có cơ chế kiểm soát rủi ro, cơ chế chia sẻ lợi ích công bằng giữa Nhà nước và doanh nghiệp theo tinh thần Nghị định số 180.

Bảo đảm quyền tiếp cận dữ liệu, quyền sở hữu trí tuệ và cơ chế thương mại hóa sản phẩm, dịch vụ số minh bạch, tuân thủ pháp luật.

Phân công trách nhiệm cụ thể cho từng Sở, ngành, địa phương; bảo đảm phối hợp đồng bộ, thường xuyên giám sát, kịp thời tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp.

II. ĐỐI TƯỢNG, NGUYÊN TẮC HỖ TRỢ

1. Đối tượng hỗ trợ

Doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư, xây dựng, vận hành có kết hợp hoạt động nghiên cứu kinh doanh để thực hiện các hạ tầng theo quy định tại Điều 9 Nghị định 180, cụ thể:

(1) Hạ tầng phục vụ nghiên cứu, phát triển công nghệ cao, công nghệ chiến lược quy định tại khoản 1, Điều 2 Nghị định 180.

(2) Hạ tầng số, dịch vụ số, dữ liệu quy định tại khoản 2 và khoản 3, Điều 2 Nghị định 180.

(3) Hạ tầng phục vụ hoạt động đào tạo nhân lực công nghệ số quy định tại khoản 4, Điều 2 Nghị định 180.

(4) Hạ tầng khác về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Nguyên tắc hỗ trợ

Việc hỗ trợ doanh nghiệp tham gia phát triển ứng dụng, dịch vụ số theo hình thức PPP được thực hiện trên các nguyên tắc sau:

- Bảo đảm phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của quốc gia và thành phố; gắn với nhu cầu thực tiễn của ngành, lĩnh vực, địa phương.

- Bảo đảm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, minh bạch, phân định rõ trách nhiệm, lợi ích và rủi ro giữa Nhà nước và doanh nghiệp tham gia PPP.

- Khai thác tối đa nguồn lực của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân; Nhà nước chỉ hỗ trợ, ưu đãi có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên dự án có tính lan tỏa, tác động lớn đến chuyển đổi số và phát triển kinh tế số của thành phố.

- Ưu tiên các dự án tạo ra sản phẩm, dịch vụ số mới mang tính nền tảng, dùng chung, phục vụ lợi ích công cộng, đồng thời khuyến khích thương mại hóa kết quả nghiên cứu và đổi mới sáng tạo.

- Thường xuyên theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả việc hỗ trợ, kịp thời điều chỉnh, bổ sung cơ chế để bảo đảm tính khả thi và bền vững.

III. CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

1. Nhóm cơ chế, chính sách hỗ trợ về tài chính, thuế và đất đai

Doanh nghiệp PPP được hạch toán 200% chi phí nghiên cứu – phát triển (R&D) vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất cho các dự án PPP phát triển ứng dụng, dịch vụ số. Vốn nhà nước tham gia trong dự án PPP có thể tới 70% tổng mức đầu tư để hỗ trợ xây dựng công trình và chi trả kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư; hỗ trợ xây dựng công trình tạm. Vốn nhà nước quy định tại khoản này được cân đối và bố trí từ nguồn vốn đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

Trong 03 năm đầu sau thời điểm vận hành, kinh doanh, được áp dụng mức chia sẻ 100% phần chênh lệch giảm giữa doanh thu thực tế và doanh thu trong phương án tài chính khi doanh thu thực tế thấp hơn mức doanh thu trong phương án tài chính. Việc chia sẻ phần giảm doanh thu tại khoản này được áp dụng khi dự án PPP đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 82 của Luật PPP.

2. Nhóm cơ chế, chính sách hỗ trợ về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Nhà nước có thể đặt hàng, tài trợ một phần hoặc toàn bộ kinh phí cho các nhiệm vụ nghiên cứu – phát triển (R&D) gắn với dự án PPP, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, an toàn thông tin, công nghệ logistics và công nghệ phục vụ đô thị thông minh.

Cơ chế chấp nhận, chia sẻ rủi ro trong trường hợp nhiệm vụ nghiên cứu phát triển không đạt được kết quả như kỳ vọng, phân chia lợi ích và rủi ro giữa các bên. Cơ chế này khuyến khích doanh nghiệp mạnh dạn đầu tư đổi mới sáng tạo, thử nghiệm công nghệ mới.

Khuyến khích thương mại hóa kết quả nghiên cứu, hỗ trợ doanh nghiệp, viện nghiên cứu đưa sản phẩm nghiên cứu ra thị trường.

Các viện nghiên cứu, trường đại học, bệnh viện, đơn vị sự nghiệp công lập của thành phố được phép sử dụng tài sản công (như cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm, trang thiết bị, dữ liệu nghiên cứu, hạ tầng công nghệ thông tin (CNTT)) để góp vốn, liên doanh, liên kết với doanh nghiệp thực hiện dự án PPP. Việc sử dụng tài sản công phải lập đề án, được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt và công khai theo đúng quy định pháp luật; trong trường hợp phục vụ nghiên cứu công nghệ chiến lược hoặc đào tạo nhân lực công nghệ số chất lượng cao, có thể được miễn khoản nộp tối thiểu 2% doanh thu. Đây là chính sách đặc thù để khuyến khích hợp tác giữa khu vực công và doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghệ mới.

3. Nhóm cơ chế, chính sách hỗ trợ về dữ liệu và hạ tầng số

Doanh nghiệp thực hiện dự án PPP được quyền tiếp cận, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu do cơ quan nhà nước quản lý (bao gồm dữ liệu về dân cư, đất đai, quy hoạch, giao thông, môi trường, y tế, giáo dục và các lĩnh vực khác).

Việc tiếp cận, sử dụng dữ liệu phải tuân thủ quy định pháp luật, được thực hiện minh bạch, công khai và bình đẳng.

Trường hợp doanh nghiệp sử dụng dữ liệu để phục vụ mục tiêu phi lợi nhuận, nghiên cứu khoa học hoặc cung cấp dịch vụ công ích, việc cung cấp dữ liệu được thực hiện miễn phí.

Trường hợp doanh nghiệp khai thác dữ liệu để phục vụ mục tiêu thương mại, doanh nghiệp phải trả chi phí hợp lý, mức chi phí này thấp hơn phí/lệ phí thông thường và chỉ nhằm bù đắp chi phí duy trì, quản lý, bảo đảm an toàn dữ liệu.

Doanh nghiệp khi tiếp cận, khai thác dữ liệu có trách nhiệm tuân thủ các quy định về bảo mật, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân. Cơ quan nhà nước cung cấp dữ liệu chịu trách nhiệm xây dựng quy trình cấp quyền truy cập, phân quyền sử dụng, đồng thời giám sát việc sử dụng để ngăn ngừa rủi ro rò rỉ, lạm dụng dữ liệu.

Thành phố thiết lập môi trường thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) cho phép doanh nghiệp thử nghiệm các ứng dụng, dịch vụ số mới (ví dụ: nền tảng thanh toán số, dịch vụ đô thị thông minh, giải pháp IoT trong giao thông, y tế, giáo dục). Các thử nghiệm trong sandbox được giới hạn phạm vi, thời gian, đối tượng và có cơ chế giám sát chặt chẽ của cơ quan quản lý trước khi cho phép triển khai chính thức.

4. Nhóm hỗ trợ về hợp đồng, pháp lý và chia sẻ lợi ích

Trong hợp đồng PPP, quyền sở hữu đối với tài sản hình thành từ dự án (bao gồm cả tài sản hữu hình và tài sản vô hình như phần mềm, giải pháp công nghệ, dữ liệu, sáng chế) phải được xác định rõ ràng. Doanh nghiệp PPP được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm nghiên cứu, giải pháp công nghệ do mình đầu tư phát triển.

Doanh nghiệp tham gia PPP được công nhận quyền kinh doanh, quyền khai thác dịch vụ số trong phạm vi, thời hạn hợp đồng đã ký. Đây là cơ chế quan trọng để doanh nghiệp có động lực đầu tư và bảo đảm khả năng thu hồi vốn, sinh lợi nhuận hợp pháp.

Hợp đồng PPP phải quy định rõ nguyên tắc phân chia lợi nhuận giữa Nhà nước và doanh nghiệp, dựa trên mức đóng góp vốn, công nghệ, dữ liệu và các yếu tố khác. Đồng thời, hợp đồng cũng phải quy định cơ chế chia sẻ rủi ro khi doanh thu thực tế thấp hơn dự kiến hoặc khi chính sách thay đổi ảnh hưởng đến hiệu quả dự án.

Trong trường hợp dự án không còn hiệu quả hoặc doanh thu không đạt ngưỡng tối thiểu, hợp đồng PPP phải quy định rõ điều kiện chấm dứt hợp đồng, cơ chế bồi thường, cũng như phương án bàn giao tài sản công, hạ tầng số cho Nhà nước. Quy định này bảo đảm tính chủ động, giảm thiểu rủi ro pháp lý và bảo vệ lợi ích công cộng.

Nhà nước có thể đặt hàng hoặc chỉ định thầu đối với sản phẩm, dịch vụ số là kết quả của dự án PPP để phục vụ các nhiệm vụ công cộng (ví dụ: nền tảng dữ liệu đô thị thông minh, dịch vụ y tế số, hệ thống quản lý giáo dục trực tuyến). Cơ chế này vừa bảo đảm đầu ra cho doanh nghiệp, vừa giúp thành phố có ngay sản phẩm, dịch vụ số phục vụ quản lý nhà nước và xã hội.

5. Nhóm cơ chế, chính sách hỗ trợ về nguồn lực xã hội, giám sát và minh bạch

- Huy động đa dạng các nguồn vốn. Ngoài nguồn vốn nhà nước, các dự án PPP trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được khuyến khích huy động từ nhiều kênh: Quỹ phát triển khoa học và công nghệ, Quỹ đổi mới sáng tạo, Quỹ đầu tư mạo hiểm, vốn từ các tổ chức tài chính quốc tế, vốn viện trợ và tài trợ hợp pháp khác. Cơ chế này nhằm mở rộng khả năng tiếp cận vốn cho doanh nghiệp, giảm phụ thuộc vào ngân sách nhà nước.

Các trường đại học, viện nghiên cứu, bệnh viện và đơn vị sự nghiệp công lập khác được phép để lại một phần hoặc toàn bộ nguồn thu hợp pháp từ hoạt động nghiên cứu, cung cấp dịch vụ, hợp tác quốc tế... để tái đầu tư cho hoạt động đổi mới sáng tạo, phát triển hạ tầng số, đào tạo nhân lực công nghệ. Quy định này khuyến khích các đơn vị sự nghiệp công lập chủ động tham gia PPP

Công khai toàn bộ thông tin liên quan đến dự án PPP trên Cổng thông tin điện tử, bao gồm: danh mục dự án, tiến độ triển khai, hợp đồng PPP, kết quả giám sát, đánh giá. Việc công khai này giúp doanh nghiệp, người dân và cộng đồng xã hội dễ dàng theo dõi, giám sát, góp phần phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực và nâng cao hiệu quả thực hiện dự án.

6. Nhóm cơ chế, chính sách hỗ trợ về quy trình, thủ tục thực hiện dự án PPP

Rút ngắn thời gian thẩm định, phê duyệt dự án. Các hồ sơ đề xuất dự án PPP, báo cáo nghiên cứu khả thi, hợp đồng mẫu... được áp dụng cơ chế thẩm định, phê duyệt nhanh theo quy định của Nghị định 180. Thời gian thẩm định tối đa là 07 ngày làm việc, thời gian phê duyệt tối đa là 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Cơ chế này giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, chi phí và sớm đưa dự án vào triển khai.

Thiết lập cơ chế “một cửa” trong tiếp nhận, xử lý hồ sơ dự án PPP. Doanh nghiệp chỉ cần nộp hồ sơ tại một đầu mối, các sở, ngành liên quan sẽ phối hợp xử lý nội bộ. Quy trình một cửa giúp rút ngắn thời gian, giảm chồng chéo thủ tục và nâng cao trách nhiệm giải quyết.

Đơn vị sự nghiệp công lập có thể sử dụng tài sản công (trụ sở, hạ tầng CNTT, dữ liệu, thiết bị...) để liên doanh, liên kết với doanh nghiệp thực hiện dự án PPP, nhưng phải lập đề án sử dụng tài sản công, có thẩm định, phê duyệt và công khai.

Trình tự, thủ tục triển khai dự án PPP về lĩnh vực khoa học và công nghệ tuân thủ theo Nghị định số 180/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định về cơ chế, chính sách về hợp tác công tư.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí được bố trí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành của thành phố.

Huy động bổ sung từ các nguồn hợp pháp khác: Quỹ phát triển khoa học và công nghệ, Quỹ đổi mới sáng tạo, các chương trình hỗ trợ từ Trung ương, tài trợ và viện trợ quốc tế, đóng góp của doanh nghiệp và tổ chức xã hội.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tài chính

- Là cơ quan đầu mối, chủ trì triển khai Kế hoạch;
- Xây dựng sổ tay hướng dẫn áp dụng chính sách miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về đầu tư và pháp luật có liên quan;
- Bố trí vốn nhà nước tham gia các dự án PPP, xây dựng phương án chia sẻ doanh thu giữa Nhà nước và doanh nghiệp;
- Thực hiện giám sát, đánh giá và báo cáo định kỳ kết quả triển khai Kế hoạch cho Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố triển khai các cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tham gia dự án PPP trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.
- Căn cứ quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chủ trì xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành tiêu chí xác định rủi ro được chấp nhận, quy trình đánh giá việc tuân thủ, cơ chế bảo vệ người thực hiện và quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo thực hiện theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.
- Căn cứ quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chủ trì xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành tiêu chí, điều kiện xét chọn đối với các dự án PPP có hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo được đặt hàng hoặc tài trợ một phần hoặc toàn bộ kinh phí từ ngân sách nhà nước, xây dựng trình tự, thủ tục xét chọn, xét tài trợ và thủ tục có liên quan thực hiện.

- Căn cứ quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chủ trì xây dựng mẫu hợp đồng dự án PPP trong đó bao gồm các cơ chế hỗ trợ như: áp dụng tỷ lệ vốn nhà nước tham gia trong dự án PPP đến 70% tổng mức đầu tư để hỗ trợ xây dựng công trình và chi trả kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư; hỗ trợ xây dựng công trình tạm, cơ chế chia

sẽ phân tăng, giảm doanh thu theo quy định, quy định về chấm dứt hợp đồng trước thời hạn...

- Hướng dẫn, thẩm định và trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt các đề án sử dụng tài sản công của các trường đại học, viện nghiên cứu, bệnh viện, đơn vị sự nghiệp công lập để góp vốn, liên doanh, liên kết thực hiện dự án PPP. Đảm bảo quy trình thẩm định, phê duyệt công khai, minh bạch, đúng quy định.

- Chủ trì tổ chức môi trường thử nghiệm (sandbox) cho các ứng dụng, dịch vụ số mới, bảo đảm kiểm soát rủi ro, đánh giá hiệu quả trước khi triển khai rộng rãi.

- Phối hợp với Sở Tài chính trong việc tham mưu phân bổ, sử dụng nguồn vốn nhà nước tham gia PPP cho hoạt động nghiên cứu, phát triển công nghệ, đồng thời tham gia xây dựng cơ chế chia sẻ doanh thu và lợi ích trong dự án PPP có yếu tố khoa học - công nghệ.

- Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học thương mại hóa kết quả nghiên cứu, đưa sản phẩm, dịch vụ công nghệ ra thị trường.

- Tổ chức giám sát, đánh giá hiệu quả các dự án PPP trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; định kỳ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

4. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Thẩm định, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố thành phố việc miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất đối với các dự án PPP phát triển ứng dụng, dịch vụ số.

- Hướng dẫn thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ và tái định cư theo quy định.

- Phối hợp với Sở Tài chính để bố trí nguồn vốn nhà nước phục vụ giải phóng mặt bằng và xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu cho dự án PPP.

5. Thuế thành phố Hải Phòng

Xây dựng sổ tay hướng dẫn, tuyên truyền tới doanh nghiệp về chính sách hỗ trợ ưu đãi về thuế theo quy định của pháp luật về thuế, trong đó có chính sách doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ để xác định thu nhập chịu thuế đối với chi phí cho hoạt động nghiên cứu và phát triển của doanh nghiệp bằng 200% chi phí thực tế của hoạt động này khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

6. Các Sở, ban, ngành thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, đơn vị liên quan khác

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động phối hợp với Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan chủ trì để triển khai các cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp PPP.

- Thực hiện công khai, minh bạch thông tin, giám sát tiến độ dự án và định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố kết quả thực hiện.

7. Trường đại học, viện nghiên cứu, đơn vị sự nghiệp công lập

Các cơ sở nghiên cứu, trường đại học, bệnh viện và đơn vị sự nghiệp công lập tích cực tham gia hoạt động nghiên cứu, đào tạo và hợp tác với doanh nghiệp thông qua hình thức liên doanh, liên kết; đồng thời khai thác, sử dụng hiệu quả tài sản công theo đúng quy định pháp luật nhằm phát triển các ứng dụng và dịch vụ số phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

8. Doanh nghiệp, Hiệp hội doanh nghiệp, tổ chức khởi nghiệp

Doanh nghiệp chủ động đề xuất dự án PPP phù hợp với nhu cầu phát triển của thành phố; tích cực huy động nguồn lực tài chính, công nghệ và nhân lực để triển khai dự án. Đồng thời, tham gia đào tạo, phát triển nguồn nhân lực số, gắn kết với các cơ sở nghiên cứu và đào tạo; bảo đảm thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các cam kết theo hợp đồng PPP đã ký kết.

(Nhiệm vụ trọng tâm thực hiện được kèm theo Kế hoạch)

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh bằng Văn bản (qua Sở Tài chính tổng hợp) báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, chỉ đạo giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ KHCN;
- VPTW Đảng;
- VPCP;
- CT, PCT Hoàng Minh Cường;
- Các Sở, ban, ngành TP;
- UBND cấp xã;
- CPV, PCVP Phạm Quang Hưng;
- Phòng: VX, NC, NV&KTGS;
- Các trường ĐH, Viện nghiên cứu (giao Sở KHCN triển khai);
- Đơn vị sự nghiệp công lập, DN, Hiệp hội DN, tổ chức khởi nghiệp (giao Sở Tài chính triển khai);
- Lưu: VT, N.Đ.Thắng.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Minh Cường

PHỤ LỤC
NHIỆM VỤ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH
(kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /10/2025
của Ủy ban nhân dân thành phố)

TT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian	Sản phẩm
1	Áp dụng ưu đãi về thuế theo quy định của pháp luật về thuế, trong đó có chính sách doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ để xác định thu nhập chịu thuế đối với chi phí cho hoạt động nghiên cứu và phát triển của doanh nghiệp bằng 200% chi phí thực tế của hoạt động này khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	Thuế thành phố Hải Phòng	Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị có liên quan	Quý I/2026	Sổ tay hướng dẫn
2	Áp dụng chính sách miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về đầu tư và pháp luật có liên quan	Sở Tài chính	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thuế thành phố Hải Phòng, Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị có liên quan	Quý II/2026	Sổ tay hướng dẫn
3	Căn cứ quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, xây dựng tiêu chí xác định rủi ro được chấp nhận, quy trình đánh giá việc tuân thủ, cơ chế bảo vệ người thực hiện và quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo thực hiện theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ngành, đơn vị có liên quan	Quý II/2026	Quyết định
4	Căn cứ quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, xây dựng tiêu chí, điều kiện xét chọn	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ngành, đơn vị có liên	Quý II/2026	Quyết định

	đối với các dự án PPP có hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo được đặt hàng hoặc tài trợ một phần hoặc toàn bộ kinh phí từ ngân sách nhà nước, xây dựng trình tự, thủ tục xét chọn, xét tài trợ và thủ tục có liên quan thực hiện theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	nghệ	quan		
5	Xây dựng mẫu hợp đồng dự án PPP trong đó bao gồm các cơ chế hỗ trợ như: áp dụng tỷ lệ vốn nhà nước tham gia trong dự án PPP đến 70% tổng mức đầu tư để hỗ trợ xây dựng công trình và chi trả kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư; hỗ trợ xây dựng công trình tạm, cơ chế chia sẻ phân tăng, giảm doanh thu theo quy định, quy định về chấm dứt hợp đồng trước thời hạn...	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ngành, đơn vị có liên quan	Quý II/2026	Mẫu Hợp đồng dự án